

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận danh sách Hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN TRẠI CAU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung gian giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 2701/UBND-LĐTĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Đông Hồ về việc công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thị trấn Trại Cau năm 2024;

Theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thị trấn;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận danh sách Hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thị trấn Trại Cau

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

**Điều 2.** Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Ban Chỉ đạo rà soát thị trấn, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo, Thống kê và các công chức thị trấn liên quan, Tổ trưởng các tổ dân phố và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện Đông Hồ;
- Phòng LĐTĐ huyện;
- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy thị trấn;
- Thường trực HĐND thị trấn;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thị trấn;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nghiêm Sơn Hà**

**PHỤ LỤC**

**DANH SÁCH**

**Hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025**

*Kèm theo Quyết định số 106/QĐ-UBND  
ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trại Cau*

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Số khẩu trong hộ	Địa chỉ
<b>A.</b>	<b>Hộ nghèo</b>				
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo</b>				
1	Dương Thị Khiêm	Nữ	01/01/1947	2	Tổ 1
2	Phạm Ngọc Ánh	Nam	15/10/1969	3	Tổ 2
3	Phạm Thị Nga	Nữ	24/5/1958	1	Tổ 2
4	Hoàng Xuân Hòa	Nam	25/5/1959	4	Tổ 3
5	Phan Thị Hường	Nữ	15/3/1972	3	Tổ 3
6	Lại Thị Làm	Nữ	01/6/1955	1	Tổ 3
7	Đinh Thị Huệ	Nữ	23/8/1948	1	Tổ 4
8	Nguyễn Thị Minh	Nữ	10/2/1953	2	Tổ 4
9	Hoàng Thị Quyên	Nữ	7/10/1969	5	Tổ 4
10	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	28/7/1984	6	Tổ 7
11	Nguyễn Quốc Doanh	Nam	10/10/1975	6	Tổ 7
12	Triệu Thị Tàn	Nữ	04/7/1955	4	Tổ 7
13	Nguyễn Văn Thắng	Nam	03/8/1992	4	Tổ 7
14	Phạm Thị Bấy	Nữ	01/6/1953	2	Tổ 7
<b>B.</b>	<b>Hộ cận nghèo</b>				
<b>I</b>	<b>Hộ cận nghèo</b>				
1	Đặng Thị Lệ Quyên	Nữ	16/11/1994	3	Tổ 1

2	Ninh Thị Thu	Nữ	15/9/1982	3	Tổ 1
3	Nguyễn Thị Hợi	Nữ	01/01/1939	2	Tổ 2
4	Trần Đình Sơn	Nam	27/3/1959	2	Tổ 2
5	Hà Hồng Hiến	Nam	30/4/1946	2	Tổ 2
6	Nguyễn Thị Liên	Nữ	23/6/1951	4	Tổ 2
7	Nguyễn Tài Định	Nam	29/6/1949	6	Tổ 3
8	Nguyễn Tiến Tề	Nam	18/3/1953	6	Tổ 3
9	Trần Mạnh Cầm	Nam	20/10/1941	2	Tổ 3
10	Trần Thị Lợi	Nữ	15/10/1977	3	Tổ 3
11	Bùi Thị Dung	Nữ	12/2/1960	1	Tổ 4
12	Đào Hùng Tân	Nam	18/10/1986	4	Tổ 4
13	Vũ Thị Ninh	Nữ	25/8/1957	2	Tổ 5
14	Trần Thị Thúy Nga	Nữ	27/3/1977	3	Tổ 5
15	Vi Thị Loan	Nữ	7/5/1957	11	Tổ 7
16	La Văn Tài	Nam	11/3/1959	7	Tổ 7
17	Đặng Văn Dân	Nam	02/2/1960	6	Tổ 7
18	Luân Thị Thúy Nga	Nữ	20/5/1985	3	Tổ 7
19	Nguyễn Thị Chiêu	Nữ	01/01/1955	5	Tổ 7
20	Dương Thị Tình	Nữ	12/4/1949	4	Tổ 7
21	Dương Thị Mạc	Nữ	01/1/1947	2	Tổ 7
22	Trần Thị Vân	Nữ	09/2/1943	5	Tổ 7
23	Dương Văn Dũng	Nam	01/12/1984	4	Tổ 7
	<b>Tổng cộng (A +B): 37</b>				

